

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20/5/2021

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Nghiêm

2. Ông Nguyễn Vĩnh Thạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1984. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Khu vực 15, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Chị **Huỳnh Thị Bích L**, sinh năm 1984. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Khu vực 15, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2020 và quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Nguyễn Anh T trình bày: Vào năm 2005, anh và chị Huỳnh Thị Bích L do mai mối nên đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2009 tại Ủy ban nhân dân phường Châu Văn Liêm, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần một năm nay thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cuộc sống, thường bất hòa về tình cảm, vì thương con nên anh đã cố gắng hàn gắn lại tình cảm gia đình nhưng không có kết quả. Sau đó chị L đã bỏ nhà đi để con lại cho anh nuôi, khi đi chị L có mang theo số nữ trang gồm: 01 đôi bông 07 phân vàng 18k, 01 sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 18k và 01 tấm lắc 2,5 chỉ vàng 18k. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị L.

Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Minh H (nam), sinh ngày 06/11/2009. Hiện anh đang nuôi dưỡng, anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Minh H đến trưởng thành, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đối với bị đơn chị Huỳnh Thị Bích L để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng chị L vắng mặt nhiều lần không có lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bị đơn, yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh H đến trưởng thành, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không có.

- Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Anh T và chị Huỳnh Thị Bích L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên anh T khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác

định là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị L vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2009, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường bất hòa về tình cảm. Sau đó chị L đã bỏ nhà đi từ khoảng tháng 10 năm 2020, anh T có đến nhà cha mẹ ruột của chị L để hàn gắn tình cảm nhưng không gặp được chị L, vợ chồng cũng đã ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, anh T và chị L không còn quan tâm gì đến nhau. Do thời gian ly thân đã lâu, anh T đã không còn tình cảm với chị L nên anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc triệu tập chị L đúng trình tự luật định để tham gia tố tụng tại tòa và có ý kiến đối với hôn nhân của mình nhưng phía chị L nhiều lần vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy chị L đã không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và cho đến nay không có biện pháp khắc phục, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh T xác định anh chị có một con tên Nguyễn Minh H (nam), sinh ngày 06/11/2009.

Hiện cháu Minh H đang sống với anh Tuấn, khi ly hôn anh T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Minh H đến trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh T đang nuôi dưỡng cháu Minh H, anh T có đảm bảo cho cháu điều kiện về sinh hoạt và học tập cũng như đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của trẻ nên cần ổn định cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Minh H đến trưởng thành là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu.

Mặc dù chị L không trực tiếp nuôi con nhưng pháp luật dành cho chị L quyền được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở chị L thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị L vắng mặt nên chưa xác định được phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung của anh T và chị L. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 57; 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Anh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Anh T được ly hôn với chị Huỳnh Thị Bích L.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh H (nam), sinh ngày 06/11/2009 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị L không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Anh T phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số 011389 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô sang thành tiền án phí (công nhận anh T đã nộp xong).

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Ô;
- Chi cục THADS Q. Ô;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Lê Thị Thúy Hằng